Brookhurst Junior High School

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024
(Công bố trong năm học 2024-2025)

Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC	Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC. - Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/. - Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/. - Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh. Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.
DataQuest	DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ https://dq.cde.ca.gov/dataquest/ bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lương ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).
Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California	Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) https://www.caschooldashboard.org/ phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.
Truy cập Internet	Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/.

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

Tên Trường học	Brookhurst Junior High School
Đường phố	601 North Brookhurst Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	Anaheim, CA 92801-3879
Số điện thoại	(714) 999-3613
Hiệu Trưởng	Gilbert Amancio
Địa chỉ email	amancio_g@auhsd.us
Trang web của Trường	https://brookhurst.org
Phạm vi cấp lớp	7-8
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)	30664316058812

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

Tên Khu học chánh	Anaheim Union High School District
Số điện thoại	(714) 999-3511
Giám Đốc Khu Học Chánh	Michael B. Matsuda
Địa chỉ email	webmaster@auhsd.us
Trang web của Khu học chánh	https://www.auhsd.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Mission Statement:
Brookhurst envisions an educational experience in which our students feel valued, accepted, and respected, so they may ground their learning and personal growth in their individual histories and strengths, reflections of their learning processes- including their struggles- in order to build capabilities, competence, and the confidence to go boldly in the direction of their goals.

Vision Statement:
At Brookhurst, we will create a positive, connected community of caring students who are actively engaged in learning about themselves, their community, and the world. We work to prepare all students with the 21st-century skills necessary to persevere and succeed in a changing world.

Highlights:

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Thirteen percent of students are enrolled in the Advancement Via Individual Determination (AVID) program. AVID students are encouraged to take a rigorous honors course load. Other electives include band, drama, home economics,stagecraft, art, ASB (Associated Student Body activities program) and World Languages-Spanish.

Nine percent of our students are enrolled in the dual language program. Also 56% percent have a at least one honors class in either math or English, while still learning science and history in Spanish.

Approximately 25% of students participate in after-school sports programs. Each sport has a separate 7th- and 8th-grade team for both boys and girls. Sports which are offered include: volleyball, soccer, basketball, tennis, track, football, softball and cross country.

Demographic Information:
Brookhurst Junior High School, located in Anaheim, California, serves 715 students, in which 89.2% participate in the free and reduced meal program, 8.7% are homeless, and 19% are English Learners. The demographic profile also indicates the following regarding student subgroups: 85.9% Hispanic, 4.1% White, 5.5% Asian, 1% Multiple, Native Hawaiian or other Pacific Islander 0.1%, 2.0% African American, American Indian/Alaskan Native 0.1%, and 1.4% other or missing
---

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 7	373
Lớp 8	401
Tổng tuyển sinh	774

Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	47.9
Nam	52.1
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.9
Người gốc Á	3.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	2.7
Người gốc Philippines	2.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	85
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.9
Người Da Trắng	4
Người Học Tiếng Anh	21.8
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.8
Học sinh vô gia cư	3.1
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	88.9
Học sinh khuyết tật	13.8

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	33.50	78.43	897.90	74.43	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0.00	0.00	3.00	0.25	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.30	0.84	49.90	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	29.50	2.45	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	8.80	20.70	226.00	18.73	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	42.70	100.00	1206.40	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	40.30	86.29	1094.60	83.18	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0.10	0.34	8.50	0.65	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	2.30	4.92	73.20	5.56	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	32.80	2.50	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3.90	8.41	106.80	8.11	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	46.70	100.00	1316.10	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	36.60	85.24	1131.10	84.42	231142.40	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0.80	1.93	12.10	0.90	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0.00	0.00	55.40	4.14	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.00	0.00	41.30	3.09	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	5.50	12.81	99.80	7.45	14303.80	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	42.90	100.00	1340.00	100.00	277698.00	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là "không hiệu quả" theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.80	0
Phân công sai	0.30	1.40	0
Vị trí trống	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.30	2.30	0

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là "ngoài lĩnh vực" theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.00	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	1.90	1.6	0
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	1.10	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

All content subject areas utilize standards-aligned, State and District adopted textbooks and instructional materials. Teachers have input into the textbook selection process at the district level through an established curriculum cycle. Teachers are given in-depth training on the instructional materials and the ancillary materials that accompany the basic textbook material. Ancillary materials support both the language needs and the learning needs of students.

This information was collected December 13, 2024.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập	September 14, 2023

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Đọc/Ngữ văn	English language arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student.	Yes	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	Yes	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student.	Yes	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	History/Social science textbooks were adopted in 2018-19 and 2019-20. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Growth and Conflict. There is one textbook available per student.	Yes	0
Ngoại ngữ	Foreign language textbooks are adopted as needed by course. Several courses adopted new textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Avancemos. Additionally, supplemental books continue to be adopted each year. There is one textbook available per student. Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials:	Yes	0

	American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018 Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020 Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020 Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020 French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024 French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024 French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024 French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024 AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016 Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016 Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016 Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004 Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004 Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023 Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023 Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024 Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023 Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016 Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016 Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024 Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024 Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024 Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024 Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855 (Novel), Adopted: 2017 Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesia de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017 Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña		

	(When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214(Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017 AP Spanish Literature & Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023 AP Spanish Language & Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013 IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020 Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Ti?ng Vi?t M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019 Vietnamese 3: Ti?ng Vi?t M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020 Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Ti?ng Vi?t M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020 Vietnamese 6H: Ti?ng Vi?t M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020		
Sức khỏe	Health textbooks,Glencoe Teen Health for 7-8 grades was adopted in 2016-2017. There is one textbook available per student.	Yes	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	Yes	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	NA

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Brookhurst Junior High School opened in 1956. The buildings were most recently modernized in 2003. The 20-acre site includes 41 regular classrooms and three portable classrooms. There are 9 labs, which are designed for specific programs (i.e. computer labs, science labs, music room, etc.). The site also includes a cafeteria, a media center, a gym, and a variety of sports fields.

Maintenance and Repair: Site and District maintenance staff ensure that the repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A work order process is used to ensure efficient service. Emergency repairs are given the highest priority.

Cleaning Process and Schedule: The District's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools. The administration works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. All classrooms and restrooms are cleaned daily. Deep cleaning, including waxing of floors and painting, takes place during times when students are not in classes. Students, parents, and staff are encouraged to report any objectionable conditions via a uniform complaint procedure.

The most recent site inspection was completed on October 18, 2024

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất	October, 2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá **Tốt**	Đánh giá **Trung bình**	Đánh giá **Kém**	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			Broken tiles under the eye wash station attachment. Planned Action Taken: Promptly fix the broken tiles under the eye wash station attachment.
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Sidewalk, outside of Rooms 6 and 7, has more than a 3-inch drop. Planned Action Taken: Fix sidewalk, that has more than a 3-inch drop, outside of Rooms 6 and 7.
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào	X			Hallway in between Rooms 9 and 19, has more than a 3 inch drop. Planned Action Taken: Address the 3-inch drop, in the hallway in between Rooms 9 and 19. Uneven blacktop in front of Room 19. Planned Action Taken: Slurry the uneven blacktop in front of Room 19.

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

1. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
2. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	29	24	42	42	46	47
Toán (lớp 3-8 và 11)	16	13	24	24	34	35

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) **Nhóm học sinh**	(CAASPP) **Tổng TUYỂN SINH**	(CAASPP) **Số được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm không được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn**
Tất cả học sinh	767	745	97.13	2.87	24.16
Nữ	362	348	96.13	3.87	27.30
Nam	405	397	98.02	1.98	21.41
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	29	29	100.00	0.00	55.17
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	19	19	100.00	0.00	31.58
Người gốc Philippines	18	18	100.00	0.00	55.56
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	654	635	97.09	2.91	21.26
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	31	29	93.55	6.45	31.03
Người Học Tiếng Anh	148	134	90.54	9.46	3.73
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	26	25	96.15	3.85	16.00
Quân đội	45	44	97.78	2.22	27.27
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	670	655	97.76	2.24	22.44
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	102	100	98.04	1.96	5.00

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) **Nhóm học sinh**	(CAASPP) **Tổng TUYỂN SINH**	(CAASPP) **Số được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm không được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn**
Tất cả học sinh	767	748	97.52	2.48	12.97
Nữ	362	349	96.41	3.59	10.32
Nam	405	399	98.52	1.48	15.29
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	29	29	100.00	0.00	41.38
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	19	19	100.00	0.00	0.00
Người gốc Philippines	18	18	100.00	0.00	33.33
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	654	637	97.40	2.60	10.99
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	31	30	96.77	3.23	23.33
Người Học Tiếng Anh	148	138	93.24	6.76	1.45
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	26	26	100.00	0.00	7.69
Quân đội	45	44	97.78	2.22	11.36
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	670	655	97.76	2.24	11.45
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	102	100	98.04	1.96	2.00

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	8.96	16.28	28.38	28.30	30.29	30.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	401	396	98.75	1.25	15.91
Nữ	201	198	98.51	1.49	11.62
Nam	200	198	99.00	1.00	20.20
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	17	17	100.00	0.00	52.94
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	13	13	100.00	0.00	46.15
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	333	329	98.80	1.20	11.55
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	18	17	94.44	5.56	23.53
Người Học Tiếng Anh	67	65	97.01	2.99	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	15	15	100.00	0.00	6.67
Quân đội	23	23	100.00	0.00	17.39
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	344	340	98.84	1.16	12.65
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	55	54	98.18	1.82	5.56

Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

AUHSD offers a wide variety of CTE pathways throughout the district's junior high school to high school feeder patterns. At Brookhurst, CTE courses include 7th and 8th grade home economics, career exploration, computer/business technology, and financial literacy. At Savanna High School, Brookhurst's students can continue to build on these skills by taking advanced computer courses, culinary arts, accounting, construction, and automotive repair. Additionally, there is a rich program offered via the ROP partnership.--------

Tham gia Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật (CTE) năm 2023-24

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	566
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	

Đăng ký/Hoàn thành khóa học

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh năm 2023-24 đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	
Học sinh tốt nghiệp năm 2022-23 đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 7	100	99	100	100	100

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Brookhurst Junior High School believes that education is a shared responsibility where the student, the school, the home, and the community work together toward common goals. Our goal is to provide meaningful educational involvement opportunities for all parents by empowering them to advocate for their children. At Brookhurst, every parent is recruited to partner with the school by participating in School Site Council, Parent Teacher Student Association (PTSA), English Learner Advisory Committee (ELAC), District-level English Learner Advisory Committee (DELAC), Community Schools committee and the Superintendent's Advisory Council. Parents have the opportunity to become actively involved in the academic development of their child by checking and discussing the student agenda planner, which every student is expected to use daily to record their class assignments.

In addition, Brookhurst Junior High School invites and provides every parent with the opportunity to attend monthly parent nights. Through our parent counseling presentations(cookies with the counselor), parent leadership academy, Nami Family Seesions and our family engagement specialist, we provide workshops that are of interest to parents such as A-G requirements, how to navigate the educational system, anti-bullying, and other important subjects based on parent feedback from an annual needs assessment survey. We also have our monthly "Coffee with the Principal," (in partnership with Savanah High School. As well as, campus tours/parent learning walks, which focus on current issues surrounding education and classroom visitation. Parents are also encouraged to attend school with their student(s) at any

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

time. Parents are integral members of our school community, and we work hard to communicate and collaborate in order to build and maintain strong relationships. We also have community bonding with lunch with a loved one and Family movie night.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5)

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Nghỉ học triền miên

Tỷ lệ bỏ học và Tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Chỉ số	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Tỷ lệ bỏ học				3.6	4.1	4.1	7.8	8.2	8.9
Tỷ lệ tốt nghiệp				92.4	91.0	93.2	87.0	86.2	86.4

Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Nhóm Tỷ lệ tốt nghiệp
Tất cả học sinh	0.0	0.0	0.0
Nữ	0.0	0.0	0.0
Nam	0.0	0.0	0.0
Phi nhị giới	0.0	0.0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.0	0.0	0.0
Người gốc Á	0.0	0.0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.0	0.0	0.0
Người gốc Philippines	0.0	0.0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.0	0.0	0.0
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.0	0.0	0.0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.0	0.0	0.0
Người Da Trắng	0.0	0.0	0.0
Người Học Tiếng Anh	0.0	0.0	0.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.0	0.0	0.0

Học sinh vô gia cư	0.0	0.0	0.0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	0.0	0.0	0.0
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.0	0.0	0.0
Học sinh khuyết tật	0.0	0.0	0.0

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	824	812	248	30.5
Nữ	394	387	126	32.6
Nam	430	425	122	28.7
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	30	30	5	16.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	22	21	8	38.1
Người gốc Philippines	19	19	4	21.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	697	688	211	30.7
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	38	37	15	40.5
Người Học Tiếng Anh	196	192	74	38.5
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	11	--	--	--
Học sinh vô gia cư	32	30	15	50.0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	743	733	238	32.5
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	119	116	45	38.8

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	5.07	5.96	7.04	2.75	3.78	4.06	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	7.04	0.00
Nữ	6.35	0.00
Nam	7.67	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	18.18	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	7.17	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	7.89	0.00
Người Học Tiếng Anh	7.14	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	45.45	0.00
Học sinh vô gia cư	9.38	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	7.54	0.00

Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	6.72	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

School Safety Plans are reviewed, discussed, and updated on an annual basis (last approved in November 20, 2024). Input is gathered from staff, students, and community resource groups along with the School Site Council in order to determine any needed changes. The Brookhurst High School Safety Plan is implemented by staff members which are part of the discipline and safety committees.. No less than four safety/evacuation drills are conducted throughout the school year. Students, teachers, and other faculty members are required to participate in these drills.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2020-21. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	20	18	27	
Toán	22	9	29	
Khoa Học	22	12	26	
Khoa Học Xã Hội	23	11	25	

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	23	11	20	4
Toán	25	6	24	1
Khoa Học	25	9	22	1
Khoa Học Xã Hội	26	4	24	2

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	28	9	2	18
Toán	28	5	13	10
Khoa Học	31	5	2	18
Khoa Học Xã Hội	32	4	1	19

Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	193.5

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	2
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	0
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	1
Chuyên gia tâm lý	1
Nhân viên xã hội	1
Y tá	1
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	1
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	0
Khác	0

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	$14,072	$3,524	$10,548	$102,607
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	10,142	$110,806
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	3.9	-7.7
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	$10,771	$105,265
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-2.1	-2.6

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

The Title I program funds a number of professional development opportunities for Brookhurst Junior High School staff members and also funds parent involvement activities, such as parent resource fairs. Through Title I and Local Control Funding Formula (LCFF), Brookhurst Junior High School students receive a variety of strategic reading and mathematics interventions, which are provided to students that are identified through multiple measures, including SBAC testingand ELPAC. Additional instructional assistance and teachers are provided in the areas of reading, math, and ELD, funded through Title I and LCFF. Additionally, Brookhurst Junior High is partnered with Orange County Human Relations with a restorative justice program and we are partnered and received a grant to work with CaliReads.

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	$61,034	$62,635
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	$104,665	$101,698
Mức lương giáo viên cao nhất	$133,937	$128,982
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	$0	
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	$149,493	$162,013
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	$161,969	$182,697
Lương giám đốc	$328,935	$298,748
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	31.58	30.11
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	3.97	4.78

Phát triển Chuyên môn

Teachers and staff participate in a variety of District in-services as well as professional development workshops and conferences to enhance their content knowledge and instructional skills. This is in addition to four professional development days and weekly late-start meetings, which are scheduled each year for professional learning activities. New teachers are also required to participate in a teacher induction

Phát triển Chuyên môn

program. The District and school continue to train teachers in strategies to deliver a differentiated curriculum with depth and complexity. Teachers learn to utilize students' assessment results in order to target instruction to better meet the individual needs of students. Classified staff members have many opportunities to participate in training designed to enhance their effectiveness with students. All District staff members are supported in their efforts to deliver highly effective lessons. Teachers and administrators are given many opportunities to examine current instructional programs and strategies and realign with state curriculum performance and content standards. Research-based instructional strategies are reviewed and implemented.

In addition to what the district provides, Brookhurst Junior High School has weekly professional development opportunities on Thursday's late start days. The time is utilized by departments, specialized programs,focus groups and cross-curricular articulation. All educational staff is involved in a variety of workshops and conferences.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	10	4	4